

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tài;
2. Ông Lê Minh Cheo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoài Thanh – Kiểm sát viên.

Người phiên dịch: Ông Châu Sóc Siêng – Trung tâm trợ giúp pháp lý - Chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Néang Chanh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Châu C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 11, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Néang T trình bày:* Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 1999 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang vào ngày 04/8/1999. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mỗi khi ông C uống rượu về luôn tìm cách sinh sự, ghen tuông vô cớ. Tuy hiện nay hai ông bà vẫn còn chung sống trong một mái nhà, nhưng về tình cảm đã ly thân 02 năm nay không còn quan tâm nhau. Đã nhiều lần bà T tạo điều kiện cho ông C thay đổi bản thân về việc hay tụ tập bạn bè ăn nhậu mà giành nhiều thời gian giúp đỡ vợ con, cùng nhau gánh vác gia đình, nhưng ông C không hề thay đổi. Vào năm 2019 bà T có làm đơn xin ly hôn với ông C nhưng vì nghĩ đến các con nên bà rút lại đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng về phía ông C không khắc phục sửa đổi. Do quá sức chịu đựng nên bà T kiên quyết ly hôn với ông C; về con chung: Có 02 con chung tên Néang C, sinh ngày 25/10/2000 và Chau Q, sinh ngày 20/9/2002. Tùy các con quyết định muốn chung sống với cha hay mẹ là do sự lựa chọn của hai con; về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Chau C:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, 02 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tất cả các lần tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đều bị ông Chau C từ chối ký nhận văn bản. Đồng thời ông C cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, ông C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn giữa bà Thi và ông C.

** Ý kiến của cháu Chau Q có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là bà Néang T.*

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông C.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C.

+ Về con chung: Đối với Néang C đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét, đối với Chau Q, sinh ngày 20/9/2002 (chưa thành niên) giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông C không cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 11, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Chau C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 04 tháng 8 năm 1999 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà T yêu cầu được ly hôn với ông C. Sau khi thụ lý Tòa án mở phiên hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông C, nhưng ông C không tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 5 năm 2020 được Văn phòng ấp T, xã N cung cấp thông tin xác nhận ông C hiện vẫn còn sinh sống tại nhà cùng với vợ con. Qua phần trình bày của bà T được biết ông C thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu lại hay ghen tuông vô cớ, tuy không hành hung đánh đập bà T nhưng giữa hai người đã có sự mâu thuẫn với nhau. Thể hiện năm 2019 bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C, nhưng đã rút lại đơn khởi kiện do còn nghĩ đến các con và tạo điều kiện cho ông C khắc phục, sửa đổi. Nhưng đã trải qua thời gian ông C không vì gia đình vợ con mà vẫn tiếp tục rượu chè nên bà T không thể tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân với ông C. Điều đó

cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Néang C và ông Chau C có 02 con chung tên Néang C, sinh ngày 25/10/2000 và Chau Q, sinh ngày 20/9/2002. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Q cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Ông C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Về Néang C đã trưởng thành và lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà T khai không có nhưng do chưa có ý kiến của ông C về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà T chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000152 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56 và 57 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Néang T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang T được ly hôn với ông Chau C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 04 tháng 8 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Bà Néang T được tiếp tục nuôi cháu Chau Q, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2002, ông Chau C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc

ông C thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000152 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện Tri Tôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ký tên)

Sơn Thị Thúy Liễu

